
Ex 1: Đọc đoạn văn và khoanh vào đáp án đúng

This is our school. It is Rose Primary School. It is big and new. This is our school playground. It is large. That is our library. It is next to the computer room. These are our classrooms. They are big and bright.

- The name of the school is _____.
a. Queen Primary School b. Rose Primary School c. King Primary School
- The school is _____.
a. big and new b. big and old c. old and bright
- The school playground is _____.
a. large b. old c. small
- The library is next to the _____.
a. classroom b. gym c. computer room
- The classrooms are _____.
a. small and old b. small and new c. big and bright

Ex 2: Đọc thông tin từ đoạn văn rồi viết T nếu câu đúng và viết F nếu câu sai

My name is Nina. I study at Sunrise International School. Look! This is a picture of my school. Here is my classroom. It's new and large. This is Hoa. She is my friend. She is in class 3E. And this is the gym. The gym is very modern. And that is the school library. The library is old but very large. And this is the school canteen. The canteen is small but nice. I love my school.

1. Decide if each statement is true (T) or false (F).

Statement	True/ False
1. Nina and Hoa study at Sunrise International School.	
2. Nina's classroom is small.	
3. Nina is in class 3E.	
4. The gym is modern.	
5. The library is new but small.	

Ex 3: Dùng “and” hoặc “but” để viết câu theo mẫu.

0. gym/ modern/ big.
The gym is modern and big.

1. computer room/ big/ old

2. playground/ large/ new

3. music room/ modern/ new

4. art room/ small/ old

5. school yard/ big/ new

Ex 4: Chọn từ bị sai và viết từ đúng để sửa lại từ đó (không cần viết lại cả câu)

1. Is that your school? – Yes, its.

2. Your school library are old.

3. That is I school library.

Ex 5: Chọn từ khác loại

1. A. friend	B. classroom	C. library
2. A. hello	B. how	C. what
3. A. I	B. you	C. are
4. A. She	B. he	C. my
5. A. His	B. her	C. they

Ex 6: Sắp xếp các từ theo vị trí đúng.

1. Classroom/ is/ my/ this.

2. Is/ who/ she?

3. My/ is/ he/ friend.

.....
4. Up/ please/ stand.

.....
5. Hello/ name/ is/ my/ Hoa.

.....
6. is/ the/ that/ gym.

.....
7. your/ big/ Is/ school?

.....
8. The/ Is/ room/ new/ computer?

.....
9. is/ The/ library/ new.

Ex 7: Viết các câu sau sang Tiếng Anh

1. Kia là trường của tôi

2. Phòng thư viện có to không? - Không, nó nhỏ

3. Sân chơi thì rộng lớn và hiện đại.

4. Em có thể đặt câu hỏi được không? - Được, em có thể

5. Bạn đánh vần tên của bạn như thế nào? Nó là P- I- N- K
